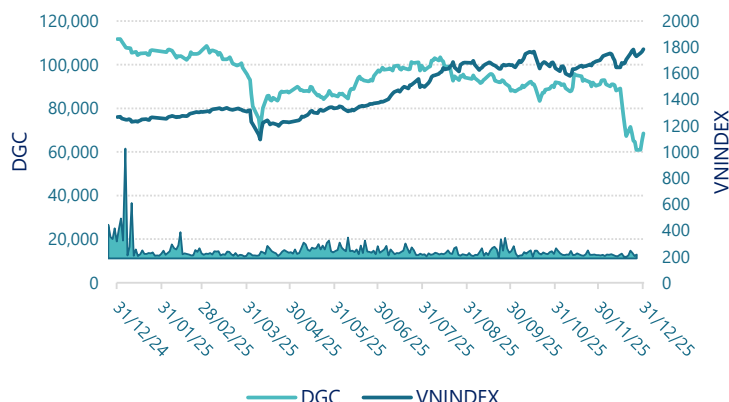


CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HSX: DGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	68,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	111,715
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,900
SL cổ phiếu LH	379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,187,190
% sở hữu nước ngoài	5.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26,015
P/E	8.6
EPS	7,965

DT thuần

Q4/25

2,741

tỷ VNĐ

QoQ: ▼76.0| -2.7%

YoY: ▲ 323| 13.3%

LN sau thuế

Q4/25

657

tỷ VNĐ

QoQ: ▼147| -18.3%

YoY: ▼130| -16.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

32.4%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

2025

11,262

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,397| 14.2%

LN sau thuế

2025

3,189

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 82.0| 2.6%

ROE

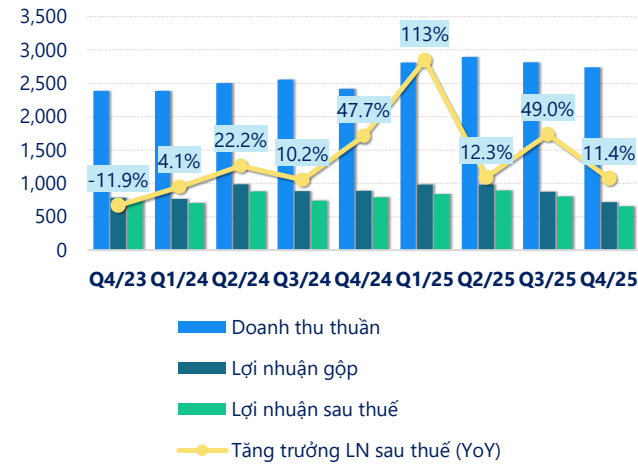
2025

20.8%

+/- YoY: ▼ 2.4%

tỷ VNĐ

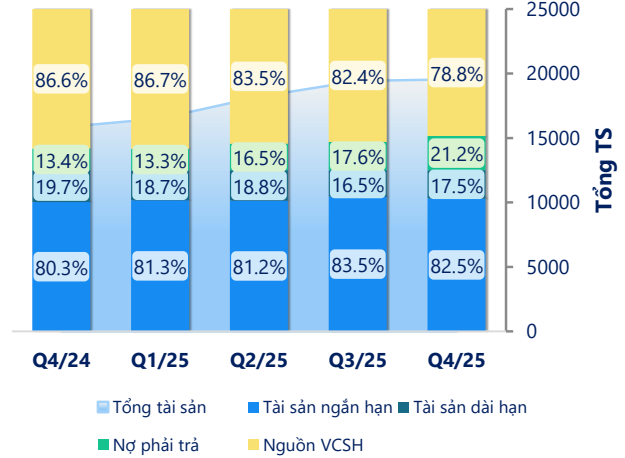
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

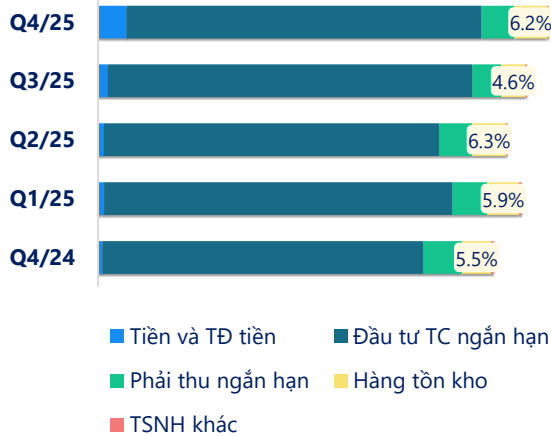
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



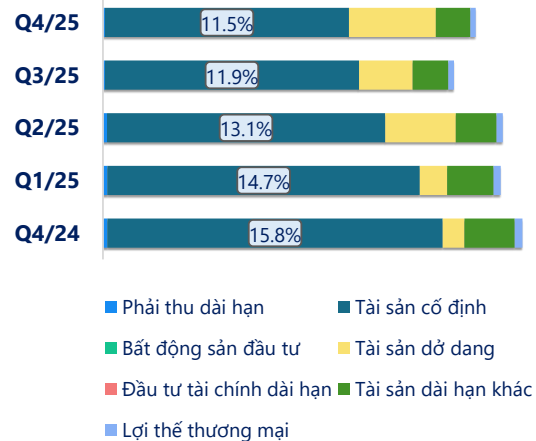
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

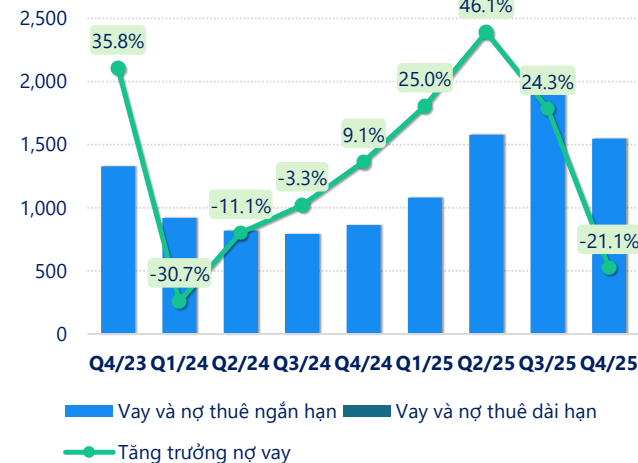
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

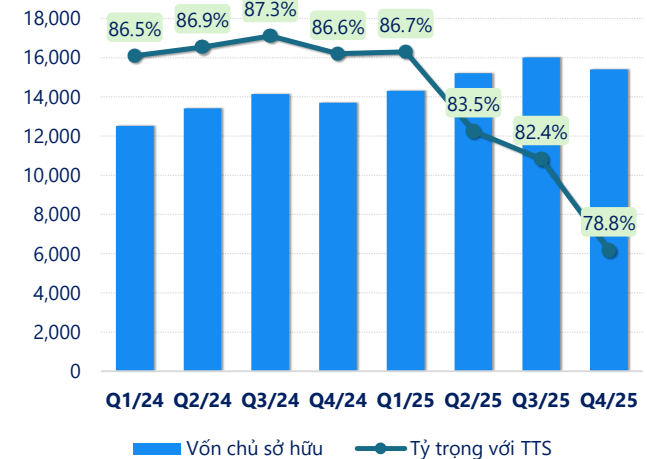
Nợ vay



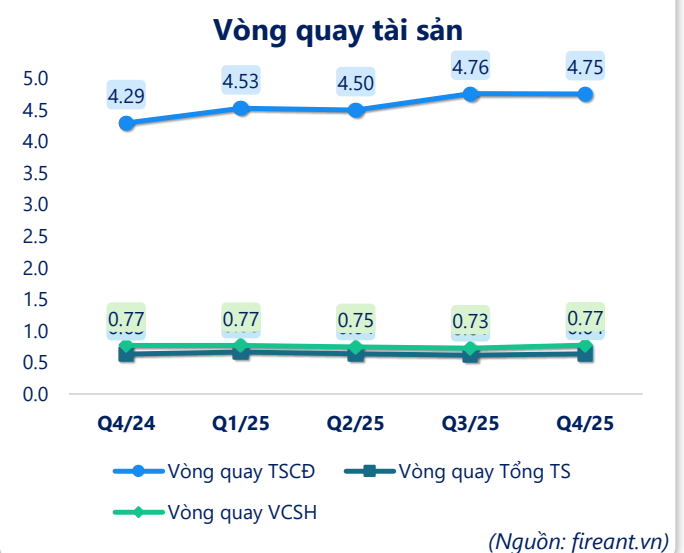
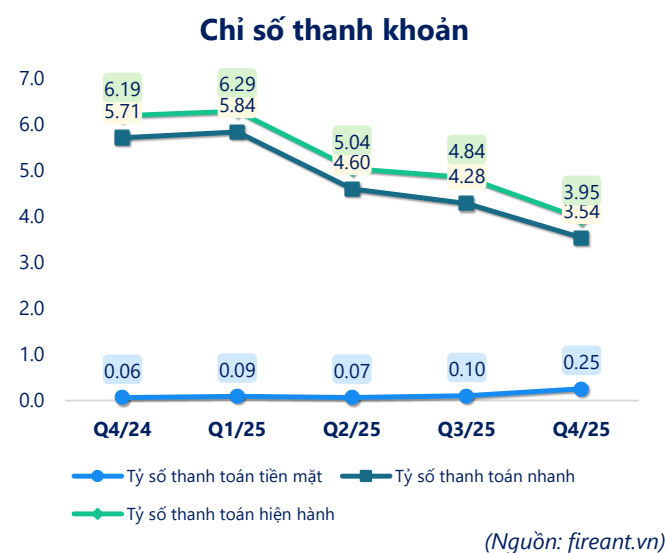
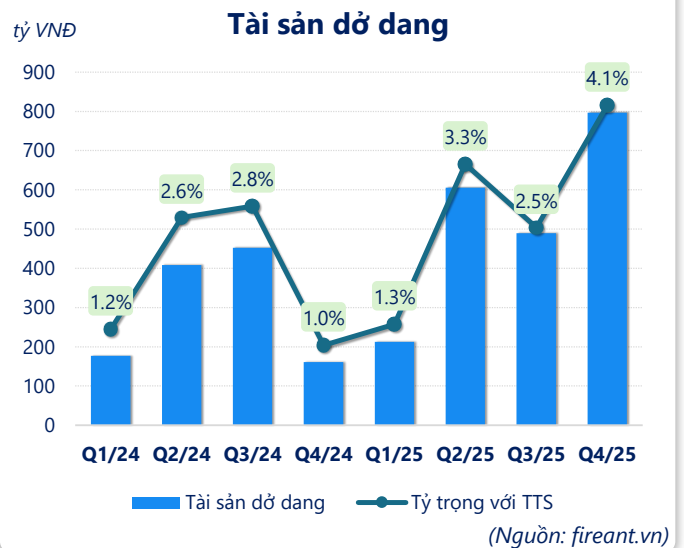
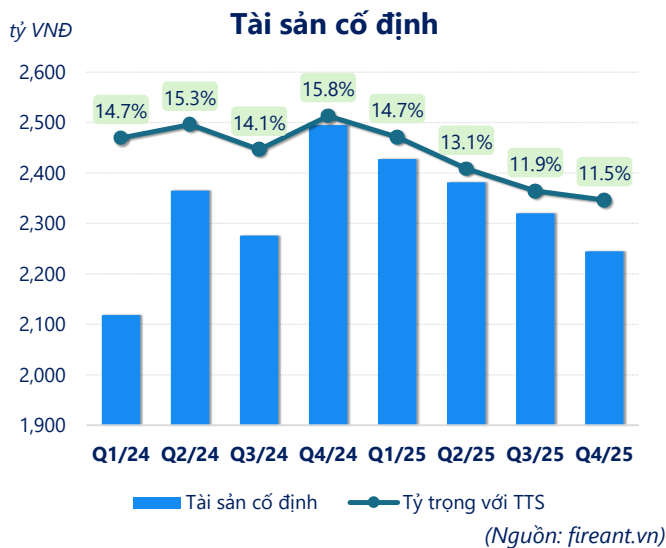
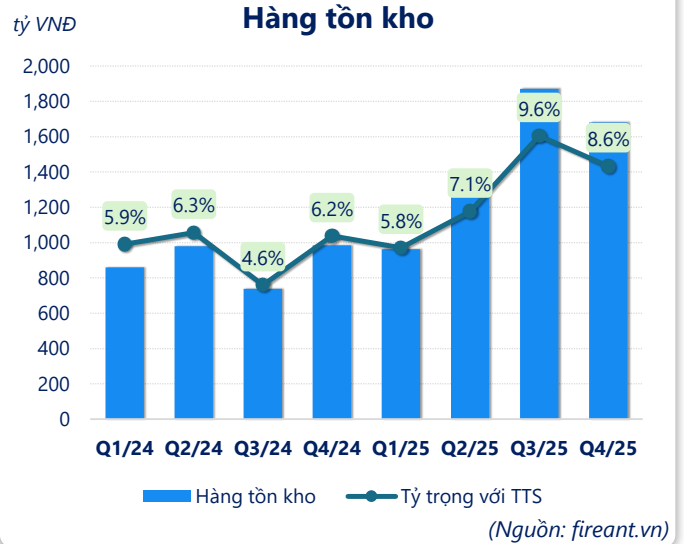
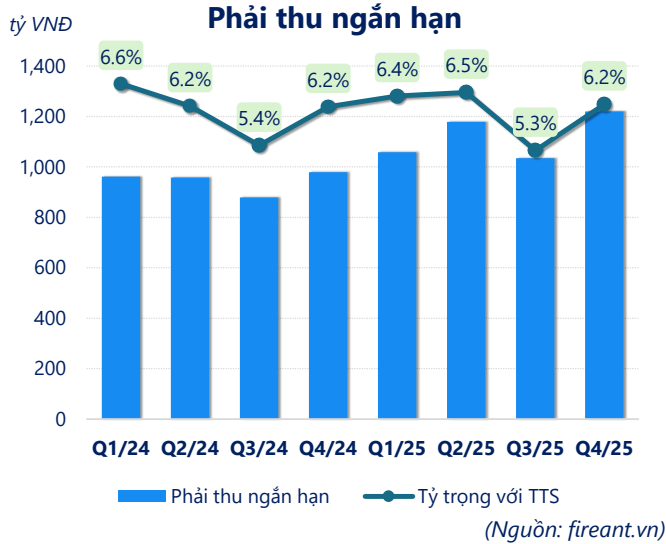
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	15,820	16,516	18,205	19,424	19,550
Tài sản ngắn hạn	12,700	13,428	14,783	16,217	16,124
Tiền và tương đương tiền	130	190	191	339	1,041
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,556	11,098	11,988	12,762	12,065
Phải thu ngắn hạn	980	1,058	1,179	1,034	1,220
Hàng tồn kho	985	963	1,285	1,871	1,681
Tài sản ngắn hạn khác	49.6	119	141	212	116
Tài sản dài hạn	3,120	3,088	3,422	3,207	3,427
Phải thu dài hạn	32.5	33.8	33.8	17.5	17.5
Tài sản cố định	2,495	2,427	2,382	2,320	2,244
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	161	213	605	489	797
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	374	358	347	328	318
Lợi thế thương mại	57.3	55.5	53.7	51.9	50.1
Nợ phải trả	2,119	2,202	2,998	3,413	4,144
Nợ ngắn hạn	2,052	2,135	2,933	3,349	4,081
Vay và nợ thuê ngắn hạn	864	1,080	1,577	1,960	1,546
Phải trả người bán ngắn hạn	313	190	429	368	204
Nợ dài hạn	67.1	66.1	65.2	64.6	63.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,701	14,315	15,207	16,011	15,406
Vốn chủ sở hữu	13,701	14,315	15,207	16,011	15,406
Vốn điều lệ	3,798	3,798	3,798	3,798	3,798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)